UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS-THPT QUỐC TẾ SINGAPORE
(Tại Thành phố Hà Nội)

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất
Năm học: 2025 – 2026

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
I	**Số phòng học/số lớp**	45	
II	**Tổng diện tích đất** (m^2)	13926	
III	**Diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	5582	
IV	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	2800	
2	Diện tích thư viện (m^2)	182	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m^2)	1000	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m^2)	205	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m^2)	111	
6	Diện tích phòng học tin học (m^2)	181	
7	Diện tích phòng thí nghiệm (m^2)	154	
8	Diện tích phòng học STEM (m2)	93	
9	Diện tích phòng y tế (m^2)	25	
10	Diện tích văn phòng / khu hiệu bộ (m^2)	172	
12	Diện tích kho (m^2)	130	
V	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu**	Đảm bảo số lượng tối thiểu 1 bộ / học sinh	
VI	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)		
1	Máy vi tính	147	
VI	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		
1	Máy chiếu OverHead	51	
2	Loa cho máy vi tính	72	
3	Thiết bị khác	Loa hội trường, ampli, mic,…	

	Nội dung	Số lượng(m^2)
X	**Nhà bếp**	258
XI	**Nhà ăn**	815

XII	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho	Dùng cho học sinh	Diện tích (m^2)

		giáo viên				
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	16		18		560
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

		Có	Không
XII	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	✓	
XIV	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	✓	
XV	**Kết nối internet**	✓	
XVI	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	✓	
XVII	**Tường rào xây**	✓	